

Số: **829/2022/QĐST-HNGĐ**

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 653/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ liên lạc: Kiệt 58 đường H, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm đạo P, xã P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thoả thuận giao con chung là cháu Trần Ngọc Nhật P, sinh ngày 16/02/2018 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2021/0004500 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã P, TP Huế;
- (ĐKKH số 95 ngày 14/12/2017)
- Lưu dân;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế